

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VĨNH HOÀN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	12 - 42

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 10 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84 - 67) 3891 166

Fax : (84 - 67) 3891 672

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản; mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất; mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất; sản xuất bao bì giấy; in bao bì các loại; xây dựng nhà các loại; xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; mua bán, xuất nhập khẩu gạo; các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012
Ông Jean Eric Jacquemin	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012
Ông Võ Phú Đức	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 5 năm 2012
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015
Bà Trương Tuyết Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Lâm Triều	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thái Ly	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015
Ông Trần Minh Hào	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2014
Bà Trương Tuyết Hoa	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 08 tháng 5 năm 2015

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2007
Bà Trương Tuyết Phương	Giám Đốc mua hàng	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014
Ông Huỳnh Đức Trung	Giám đốc dự án	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Giám đốc kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Kim Đào	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2014
Bà Hồ Thanh Huệ	Giám đốc sản xuất	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 03 năm 2014



**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Trương Thị Lệ Khanh.

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Thị Kim Đào  
Giám đốc tài chính

Ngày 28 tháng 8 năm 2015





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 0778/2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT  
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT  
THỨC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, được lập ngày 01 tháng 8 năm 2015, từ trang 05 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**

**Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

**Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3.200.904.510.106</b>	<b>3.089.130.177.364</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>30.039.786.417</b>	<b>9.933.761.943</b>
1. Tiền	111		30.039.786.417	9.933.761.943
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>802.451.008.141</b>	<b>802.451.008.141</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	802.451.008.141	802.451.008.141
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.431.853.573.506</b>	<b>1.468.397.002.292</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	996.214.124.611	989.658.842.138
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	74.999.283.135	45.623.496.900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	264.250.000.000	365.659.791.129
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	98.535.873.886	68.956.867.813
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2.145.708.126)	(1.501.995.688)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>913.765.514.132</b>	<b>767.866.896.418</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	973.202.904.054	810.305.892.867
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.8	(59.437.389.922)	(42.438.996.449)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>22.794.627.910</b>	<b>40.481.508.570</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	722.977.366	325.044.134
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.761.298.106	39.415.618.724
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1.310.352.438	740.845.712
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

300  
 CỔ  
 PHẦN  
 VĨNH  
 HOÀN  
 A

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>937.763.677.255</b>	<b>975.873.034.424</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.375.881.677</b>	<b>3.249.309.513</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	2.172.420.052	2.045.847.888
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	1.203.461.625	1.203.461.625
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>348.554.232.294</b>	<b>355.348.677.175</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	293.656.181.205	300.348.559.643
<i>Nguyên giá</i>	222		774.603.600.079	742.797.809.110
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(480.947.418.874)	(442.449.249.467)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	54.898.051.089	55.000.117.532
<i>Nguyên giá</i>	228		57.150.167.140	57.050.010.140
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.252.116.051)	(2.049.892.608)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>58.640.999.677</b>	<b>64.123.112.243</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	58.640.999.677	64.123.112.243
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>488.324.267.207</b>	<b>508.797.201.824</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	544.748.611.404	549.862.533.184
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	1.297.729.978	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(57.722.074.175)	(41.065.331.360)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>38.868.296.400</b>	<b>44.354.733.669</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	38.868.296.400	44.354.733.669
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.138.668.187.361</b>	<b>4.065.003.211.788</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.241.798.504.444</b>	<b>2.194.831.356.801</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.241.798.504.444</b>	<b>2.194.831.356.801</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	135.846.375.384	146.830.874.325
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	5.625.938.571	8.259.277.553
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	13.900.803.831	9.738.897.906
4. Phải trả người lao động	314	V.16	50.156.989.702	57.175.206.875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.408.444.649	6.905.020.932
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	360.031.272.394	97.929.180.254
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.557.395.924.387	1.767.545.055.412
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	43.100.000.000	43.100.000.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	69.332.755.526	57.347.843.544
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-





**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.896.869.682.917</b>	<b>1.870.171.854.987</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.896.869.682.917</b>	<b>1.870.171.854.987</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.22	924.039.430.000	924.039.430.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		924.039.430.000	924.039.430.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	216.409.744.645	216.409.744.645
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.22	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	756.420.508.272	729.722.680.342
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		617.318.737.342	729.722.680.342
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		139.101.770.930	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.138.668.187.361</b>	<b>4.065.003.211.788</b>

Đồng Tháp, Ngày 01 tháng 8 năm 2015



*Thư*

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Người lập biểu

*Thư*

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Đào  
Giám đốc tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.814.467.200.897	2.069.340.090.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5.787.239.081	1.484.403.451
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.808.679.961.816	2.067.855.687.183
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.483.163.950.585	1.840.390.017.523
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		325.516.011.231	227.465.669.660
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	80.818.806.612	191.138.357.924
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	87.758.468.540	10.198.751.546
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.948.760.403	9.533.469.894
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	117.712.111.133	107.560.060.638
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	36.262.741.115	24.002.808.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		164.601.497.055	276.842.406.679
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4.356.915.808	885.060.851
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.969.628.597	3.685.602.778
13. Lợi nhuận khác	40		2.387.287.211	(2.800.541.927)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		166.988.784.266	274.041.864.752
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	27.887.013.336	21.348.042.818
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>139.101.770.930</u>	<u>252.693.821.934</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 8 năm 2015

Nguyễn Thị Kim Đào  
Giám đốc tài chínhHà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Người lập biểuHà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		166.988.784.266	274.041.864.752
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9; V.10	44.478.749.525	44.502.655.149
- Các khoản dự phòng	03	V.2b; V.7, V.8	34.298.848.726	(24.819.098.721)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	13.359.987.427	3.914.899.415
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8, VI.9	(42.867.627.434)	(180.005.698.691)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	16.948.760.403	9.533.469.894
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		233.207.502.913	127.168.091.798
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(13.749.794.298)	(131.761.934.503)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(162.897.011.187)	(66.360.789.937)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		148.499.120.805	(118.050.032.234)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		5.384.228.819	186.464.827
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.5	(16.948.760.403)	(9.533.469.894)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(23.576.256.837)	(20.361.975.270)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	257.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(8.015.088.018)	(8.200.795.229)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>161.903.941.793</b>	<b>(226.657.440.442)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11, V.12, VII	(39.697.033.007)	(24.793.545.427)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.8	3.000.000.000	392.615.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(138.650.000.000)	(555.507.365.142)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		240.059.791.129	115.712.308.489
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.537.611.404)	(157.574.451.626)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.029.550.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a, VI.4	8.020.098.972	184.765.993.298
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>78.224.795.690</b>	<b>(437.004.445.408)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	số	minh	Năm nay		Năm trước	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	3.794.411.356.286	1.702.330.796.208		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(4.015.444.376.955)	(969.338.698.906)		
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		1.010.307.660	(90.268.733.175)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(220.022.713.009)</b>	<b>642.723.364.127</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>20.106.024.474</b>	<b>(20.938.521.723)</b>		
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>9.933.761.943</b>	<b>46.397.315.140</b>		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>30.039.786.417</b>	<b>25.458.793.417</b>		

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 8 năm 2015



*Thưa*  
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Người lập biểu

*Thưa*  
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

*Thưa*  
Nguyễn Thị Kim Đào  
Giám đốc tài chính

104  
01  
1 NH  
104  
A  
H-

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính Công ty là: Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Ấp Tân An, xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.	Kinh doanh các mặt hàng lương thực	99,3%	99,3%	99,3%
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Cụm công nghiệp Trường Xuân, ấp 4, xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.	Chưa hoạt động	100%	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang	Ấp Mùa Xuân, xã Tân Phước Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	Chưa hoạt động	100%	100%	100%
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Chiết xuất và sản xuất gelatin, collagen	85%	85%	85%
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Ấp Đông Hoà, xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	Kinh doanh mặt hàng thủy sản	100%	100%	100%

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.



## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty phát sinh giao dịch.

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

##### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chủ yếu là chi phí nguyên vật liệu chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

#### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

149  
NG  
HIỆM  
ÁN V  
&  
-T.P'

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong từ 04 - 05 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

15.  
TY  
HỮU  
A TUI  
C  
100

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm:

#### *Dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn*

Khoản dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn được ghi nhận khi các lợi ích kinh tế dự tính thu được từ hợp đồng thấp hơn chi phí bắt buộc phải trả của cho các nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng.

Tăng, giảm số dư dự phòng cho các hợp đồng có rủi ro lớn cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 14. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 23. Công cụ tài chính

#### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

0446  
ÔNG  
NHIỆT  
TOÀN  
A &  
H-T.F

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.239.356.669	4.149.700.672
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	28.800.429.748	5.784.061.271
<b>Cộng</b>	<b><u>30.039.786.417</u></b>	<b><u>9.933.761.943</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm.

Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 802.200.000.000 VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) <sup>(i)</sup>	-	-	-	8.651.533.184	-	8.651.533.184
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 <sup>(ii)</sup>	99.300.000.000	(44.619.412.179)	54.680.587.821	99.300.000.000	(32.828.919.331)	66.471.080.669
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 <sup>(iii)</sup>	311.000.000	-	311.000.000	311.000.000	-	311.000.000
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang <sup>(iv)</sup>	155.000.000	-	155.000.000	-	-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn						
Collagen 5 <sup>(v)</sup>	85.000.000.000	(13.102.661.996)	71.897.338.004	85.000.000.000	(8.236.412.029)	76.763.587.971
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang <sup>(vi)</sup>	359.982.611.404		- 359.982.611.404	356.600.000.000		- 356.600.000.000
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>1.297.729.978</b>		<b>- 1.297.729.978</b>			
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) <sup>(i)</sup>	1.297.729.978		- 1.297.729.978			
<b>Cộng</b>	<b>546.046.341.382</b>	<b>(57.722.074.175)</b>	<b>488.324.267.207</b>	<b>549.862.533.184</b>	<b>(41.065.331.360)</b>	<b>508.797.201.824</b>

- (i) Trong năm Công ty đã bán 85% khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ).
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã đầu tư 155.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang là 29.845.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần 05 ngày 09 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1200667963 ngày 06 tháng 2 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang là 359.982.611.404 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã mua 240.000 cổ phiếu của Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang với giá mua là 3.382.611.404 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 25.542.396 cổ phiếu, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Tình hình hoạt động của các công ty con*

Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng 3/ 2015.

Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

### *Cam kết góp vốn*

Năm 2012 Công ty đã thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

Năm 2015 Công ty đã thành lập Công ty Octogone Holdings Pte Ltd tại Singapore theo giấy xác nhận thành lập số 201506810H ngày 17 tháng 03 năm 2015 do Cơ quan quản lý doanh nghiệp và kế toán (ACRA) cấp. Việc góp vốn vào công ty trên được thực hiện trong năm 2015-2016.

### *Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	(41.065.331.360)
Trích lập dự phòng bổ sung	(16.656.742.815)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(57.722.074.175)</b>

### *Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2</b>		
Mua hàng hóa	754.000.000	28.008.350.209
Cung cấp dịch vụ	505.663.639	14.445.285.692
Mua tài sản	-	332.000.000
Bán hàng hóa	-	18.736.891.600
Bán tài sản	-	392.615.000
Nhận ủy thác xuất khẩu	18.455.854.404	133.644.018.144
Cho vay	-	136.500.000.000
Phải thu lãi cho vay	2.560.167.516	2.214.390.282
<b>Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang</b>		
Góp vốn	155.000.000	-
<b>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5</b>		
Cho vay	67.050.000.000	89.000.000.000
Bán tài sản	3.000.000.000	-
Cho mượn tiền	-	1.000.000.000
Phải thu lãi cho vay	7.962.138.889	787.966.667
Cung cấp dịch vụ	394.860.682	60.000.000
Bán thành phẩm	1.452.810.000	-
Bán nguyên vật liệu, phụ phẩm	3.487.631.150	-
Mua thành phẩm	1.351.773.500	-
Phí dịch vụ	8.763.461.661	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	18.124.002.238	12.959.730.662
Bán hàng hóa, nguyên vật liệu	205.666.653.125	1.394.435.435
Bán thành phẩm	15.815.800	-
Giao ủy thác xuất khẩu	53.061.549.933	-
Cho vay	71.600.000.000	-
Phải thu lãi cho vay	308.981.000	-
Nhận ủy thác xuất khẩu	468.539.499.907	341.044.596.598
Phí dịch vụ	692.383.691	-
Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	27.416.508.101	22.347.061.981

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b>6.546.588.621</b>	<b>43.687.505.199</b>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	-	3.935.743.333
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	-	160.220.994
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	6.546.588.621	39.591.540.872
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b>989.667.535.990</b>	<b>945.971.336.939</b>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn USA	791.006.832.574	784.646.217.906
Các khách hàng trong nước	76.202.533.277	45.196.583.308
Các khách hàng nước ngoài	122.458.170.139	116.128.535.725
<b>Cộng</b>	<b>996.214.124.611</b>	<b>989.658.842.138</b>

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 191.275.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Trả trước cho các bên liên quan</i></b>		
Cá nhân có liên quan	4.660.000.000	4.500.000.000
<b><i>Trả trước cho người bán khác</i></b>		
Trần Văn Xương	14.466.031.400	15.664.600.000
Công ty cổ phần Pilmico VHF	-	7.699.627.838
Các nhà cung cấp nước ngoài	1.021.596.846	2.881.920.751
Các nhà cung cấp trong nước	54.851.654.889	14.877.348.311
<b>Cộng</b>	<b>74.999.283.135</b>	<b>45.623.496.900</b>

**5. Phải thu về cho vay****5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>		
Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay	74.800.000.000	104.259.791.129
Cho Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 vay	130.950.000.000	261.400.000.000
Cho Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang vay	58.500.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>264.250.000.000</b>	<b>365.659.791.129</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Cho vay vốn thời hạn vay là 30 tháng.

## 6. Phải thu ngắn hạn khác

### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>29.374.825.198</b>	<b>-</b>	<b>25.975.567.969</b>	<b>-</b>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn				
Collagen 5 - lãi cho vay phải thu	10.685.022.223	-	6.722.883.334	-
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu	750.020.000	-	246.245.391	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	-	-	485.771.094	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng ủy thác xuất khẩu	17.165.327.652	-	18.101.168.778	-
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - lãi cho vay phải thu	308.981.000	-	-	-
Hội đồng quản trị và Ban điều hành	465.474.323	-	419.499.372	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>69.161.048.688</b>	<b>-</b>	<b>42.981.299.844</b>	<b>-</b>
Tạm ứng <sup>(*)</sup>	26.792.169.718	-	26.614.617.716	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	35.832.636.770	-	10.287.401.389	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	6.536.242.200	-	6.079.280.739	-
<b>Cộng</b>	<b>98.535.873.886</b>	<b>-</b>	<b>68.956.867.813</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 23.848.703.934 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.

### 6b. Phải thu dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

## 7. Nợ xấu

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

Số đầu năm	(1.501.995.688)
Trích lập bổ sung	(643.712.438)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(2.145.708.126)</b>

304  
:01  
H NH  
TOÁ  
A  
NH-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	60.219.374.276	(5.230.827.501)	55.703.886.927	(7.269.631.066)
Công cụ, dụng cụ	2.947.553.538	-	1.710.482.886	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	538.147.140.766	-	501.354.819.593	-
Thành phẩm	371.724.536.816	(54.206.562.421)	227.825.768.612	(35.169.365.383)
Hàng hóa	164.298.658	-	23.710.934.849	-
<b>Cộng</b>	<b>973.202.904.054</b>	<b>(59.437.389.922)</b>	<b>810.305.892.867</b>	<b>(42.438.996.449)</b>

Một số hàng hóa trong kho có giá trị là 191.275.000.000 VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	(42.438.996.449)
Trích lập dự phòng bổ sung	(16.998.393.473)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(59.437.389.922)</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí công cụ, dụng cụ.

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ và chi phí khác vùng nuôi	31.568.396.639	37.203.493.244
Các chi phí trả trước dài hạn khác	7.299.899.761	7.151.240.425
<b>Cộng</b>	<b>38.868.296.400</b>	<b>44.354.733.669</b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	320.095.979.358	404.409.468.282	16.850.414.960	1.441.946.510	742.797.809.110
Mua trong kỳ	47.511.364	17.803.220.952	4.743.410.909	1.121.760.000	23.715.903.225
Đầu tư XDCB hoàn thành	10.643.389.543	3.499.775.251	-	-	14.143.164.794
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.053.277.050)	-	-	(6.053.277.050)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>330.786.880.265</b>	<b>419.659.187.435</b>	<b>21.593.825.869</b>	<b>2.563.706.510</b>	<b>774.603.600.079</b>
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	25.757.672.294	97.334.562.589	3.486.141.719	1.122.621.010	127.700.997.612
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-

4987  
 CÔNG TY  
 THIÊN MƯỜI  
 VÀ TỬ  
 & C  
 T. PHỐ

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	117.894.859.611	314.787.048.914	8.588.336.848	1.179.004.094	442.449.249.467
Khấu hao trong kỳ	17.258.842.750	25.414.058.115	1.451.489.303	152.135.914	44.276.526.082
Thanh lý, nhượng bán	-	(5.778.356.675)	-	-	(5.778.356.675)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>135.153.702.361</u></b>	<b><u>334.422.750.354</u></b>	<b><u>10.039.826.151</u></b>	<b><u>1.331.140.008</u></b>	<b><u>480.947.418.874</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	<u>202.201.119.747</u>	<u>89.622.419.368</u>	<u>8.262.078.112</u>	<u>262.942.416</u>	<u>300.348.559.643</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>195.633.177.904</u></b>	<b><u>85.236.437.081</u></b>	<b><u>11.553.999.718</u></b>	<b><u>1.232.566.502</u></b>	<b><u>293.656.181.205</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 39.712.616.602 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	56.208.060.350	841.949.790	57.050.010.140
Mua trong kỳ	-	100.157.000	100.157.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>56.208.060.350</u></b>	<b><u>942.106.790</u></b>	<b><u>57.150.167.140</u></b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	540.229.790	540.229.790
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.417.490.816	632.401.792	2.049.892.608
Khấu hao trong kỳ	162.035.743	40.187.700	202.223.443
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>1.579.526.559</u></b>	<b><u>672.589.492</u></b>	<b><u>2.252.116.051</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	<u>54.790.569.534</u>	<u>209.547.998</u>	<u>55.000.117.532</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>54.628.533.791</u></b>	<b><u>269.517.298</u></b>	<b><u>54.898.051.089</u></b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 8.884.346.002 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	61.219.348.062	10.571.112.000	(15.342.857.909)	-	56.447.602.153
XDCB dở dang	2.903.764.181	13.728.522.919	(14.143.164.794)	(295.724.782)	2.193.397.524
<i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i>	<i>128.893.097</i>	<i>11.780.848.680</i>	<i>(11.346.553.180)</i>	<i>(160.866.600)</i>	<i>402.321.997</i>
<i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	<i>2.774.871.084</i>	<i>1.947.674.239</i>	<i>(2.796.611.614)</i>	<i>(134.858.182)</i>	<i>1.791.075.527</i>
<b>Cộng</b>	<b>64.123.112.243</b>	<b>24.299.634.919</b>	<b>(29.486.022.703)</b>	<b>(295.724.782)</b>	<b>58.640.999.677</b>

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>2.412.358.636</b>	<b>276.588</b>
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	2.393.283.183	-
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	19.075.453	276.588
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>133.434.016.748</b>	<b>146.830.597.737</b>
Các nhà cung cấp nước ngoài	2.499.561.649	2.023.483.856
Các nhà cung cấp trong nước	130.934.455.099	144.807.113.881
<b>Cộng</b>	<b>135.846.375.384</b>	<b>146.830.874.325</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>1.171.571.061</b>	<b>5.597.524.505</b>
Các khách hàng trong nước	1.171.571.061	5.597.524.505
Các khách hàng nước ngoài	4.454.367.510	2.661.753.048
<b>Cộng</b>	<b>5.625.938.571</b>	<b>8.259.277.553</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	(54.390.214)	22.542.640	(86.916.640)	-	(118.764.214)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(686.455.498)	1.482.819.001	(1.987.951.727)	-	(1.191.588.224)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.366.696.222	-	27.887.013.336	(23.576.256.837)	12.677.452.721	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.372.201.684	-	2.809.976.405	(2.958.826.979)	1.223.351.110	-
Tiền thuê đất	-	-	1.690.355.173	(1.690.355.173)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	290.861.090	(290.861.090)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>9.738.897.906</b>	<b>(740.845.712)</b>	<b>34.183.567.645</b>	<b>(30.591.168.446)</b>	<b>13.900.803.831</b>	<b>(1.310.352.438)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động chế biến thủy hải sản với thuế suất 15%.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	166.988.784.266	274.041.864.752
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.114.942.502	2.315.038.524
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.871.266.537)	(179.669.208.647)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>171.232.460.231</b>	<b>96.687.694.629</b>
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	139.773.255.927	-
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi (thuế suất 22%)	31.459.204.304	96.687.694.629
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>27.887.013.336</b>	<b>21.271.292.818</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>76.750.000</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>27.887.013.336</b>	<b>21.348.042.818</b>

### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### **16. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn lại phải trả công nhân viên.

#### **17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

Chi phí dịch vụ phải trả.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****18. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>245.762.490.620</b>	<b>61.746.867.382</b>
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	244.049.374.701	52.143.664.972
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu	1.713.115.919	9.603.202.410
<b><i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i></b>	<b>114.268.781.774</b>	<b>36.182.312.872</b>
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	93.467.204.485	52.953.825
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	20.801.577.289	36.129.359.047
<b>Cộng</b>	<b><u>360.031.272.394</u></b>	<b><u>97.929.180.254</u></b>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

**19. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b><i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i></b>				
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp <sup>(i)</sup>	340.493.761.006	340.493.761.006	79.595.934.429	79.595.934.429
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	1.126.778.783.238	1.126.778.783.238	1.528.475.299.894	1.528.475.299.894
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) <sup>(iii)</sup>	90.123.380.143	90.123.380.143	159.473.821.089	159.473.821.089
<b>Cộng</b>	<b><u>1.557.395.924.387</u></b>	<b><u>1.557.395.924.387</u></b>	<b><u>1.767.545.055.412</u></b>	<b><u>1.767.545.055.412</u></b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng thế chấp một số tài sản cố định tại phân xưởng bột, mỡ cá ( xem thuyết minh V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2 (xem thuyết minh V.2a, V.10 và V.11).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3 và V.7).

044  
ÔN  
NHIỆ  
OÀN  
18  
/T.I



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	1.767.545.055.411
Số tiền vay phát sinh	3.794.411.356.286
Số tiền vay đã trả	(4.015.444.376.955)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	10.883.889.644
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.557.395.924.387</b>

### 20. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

### 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	56.492.605.526	20.000.000.000	(7.159.850.000)	69.332.755.526
Quỹ phúc lợi	855.238.018	-	(855.238.018)	-
<b>Cộng</b>	<b>57.347.843.544</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>(8.015.088.018)</b>	<b>69.332.755.526</b>

### 22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	614.049.130.000	190.492.000.000	(36.897.215.355)	565.763.546.167	1.333.407.460.812
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	252.693.821.934	252.693.821.934
Chia cổ tức	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Trích các quỹ	-	-	-	(90.309.244.500)	(90.309.244.500)
Số dư cuối kỳ trước	<u>614.049.130.000</u>	<u>190.492.000.000</u>	<u>(36.897.215.355)</u>	<u>718.148.123.601</u>	<u>1.485.792.038.246</u>
Số dư đầu năm nay	924.039.430.000	216.409.744.645	-	729.722.680.342	1.870.171.854.987
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	139.101.770.930	139.101.770.930
Chia cổ tức	-	-	-	(92.403.943.000)	(92.403.943.000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	<u>924.039.430.000</u>	<u>216.409.744.645</u>	<u>-</u>	<u>756.420.508.272</u>	<u>1.896.869.682.917</u>

#### 22a. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	92.403.943	92.403.943
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu phổ thông	92.403.943	92.403.943
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 22b. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi 20.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 08 tháng 5 năm 2015.

Ngoài ra Công ty cũng tạm ứng cổ tức năm 2015 cho các cổ đông với số tiền là 92.403.943.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2015 ngày 16 tháng 6 năm 2015.

### 23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 23a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.514.492.574	2.306.853.198
Trên 1 năm đến 5 năm	9.539.327.512	23.876.604.010
Trên 5 năm	23.153.051.286	35.410.869.998
<b>Cộng</b>	<b><u>35.206.871.372</u></b>	<b><u>61.594.327.206</u></b>

#### 23b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.027.151,10	229.294,01
Euro (EUR)	413,82	422,66
Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY)	3.436	3.436

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	294.137.030.493	305.239.609.786
Doanh thu bán thành phẩm	2.025.320.374.665	1.440.652.640.025
Doanh thu bán nguyên vật liệu	89.081.800.033	3.739.869.410
Doanh thu bán phụ phẩm	385.864.717.872	291.586.801.885
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.063.277.834	28.121.169.528
<b>Cộng</b>	<b><u>2.814.467.200.897</u></b>	<b><u>2.069.340.090.634</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công ty chỉ phát sinh việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức số tiền là 115.184.264 VND ( kì trước là 11.897.779.831 VND)



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	(5.466.171.439)	(1.395.575.000)
Giảm giá hàng bán	(321.067.642)	(88.828.451)
<b>Cộng</b>	<b>(5.787.239.081)</b>	<b>(1.484.403.451)</b>

#### 3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	277.417.646.893	292.820.609.039
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.700.491.854.472	1.306.336.761.824
Giá vốn của nguyên vật liệu đã bán	87.462.154.469	4.219.173.797
Giá vốn của phụ phẩm đã bán	400.793.901.278	256.989.630.278
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	16.998.393.473	(19.976.157.415)
<b>Cộng</b>	<b>2.483.163.950.585</b>	<b>1.840.390.017.523</b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	25.545.235.381	7.365.142
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	55.737.632	57.843.522
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	174.900.080.000
Lãi tiền cho vay	10.957.859.569	3.400.181.893
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	2.314.077.007	1.698.071.656
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.270.150.229	11.074.815.711
Lãi thanh lý công ty con	1.675.746.794	-
<b>Cộng</b>	<b>80.818.806.612</b>	<b>191.138.357.924</b>

#### 5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.948.760.403	9.533.469.894
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	13.359.987.427	3.914.899.415
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.792.977.895	1.593.323.543
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	16.656.742.815	(4.842.941.306)
<b>Cộng</b>	<b>87.758.468.540</b>	<b>10.198.751.546</b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	6.353.557.791	4.051.794.111
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	12.931.819	41.724.800
Chi phí khấu hao TSCĐ	76.705.888	76.076.202
Chi phí cước vận chuyển	78.407.330.281	73.385.162.413
Chi phí khác	32.861.585.354	36.079.891.677
<b>Cộng</b>	<b>117.712.111.133</b>	<b>107.560.060.638</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	13.572.664.858	10.513.728.451
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.089.605.048	823.990.618
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.615.284.517	3.531.646.548
Thuế, phí và lệ phí	290.821.090	1.616.469.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.563.643	10.000.000
Chi phí bằng tiền khác	13.575.801.959	7.506.973.779
<b>Cộng</b>	<b>36.262.741.115</b>	<b>24.002.808.721</b>

### 8. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	3.000.000.000	392.615.000
Các khoản nợ không phải trả	2.429.294	39.416.270
Thu từ bán phế liệu	1.218.662.138	-
Thu nhập khác	135.824.376	453.029.581
<b>Cộng</b>	<b>4.356.915.808</b>	<b>885.060.851</b>

### 9. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	274.920.375	392.615.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	4.000.000	40.706.600
Chi phí khác	1.690.708.222	3.252.281.178
<b>Cộng</b>	<b>1.969.628.597</b>	<b>3.685.602.778</b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.382.243.560.318	975.900.380.485
Chi phí nhân công	231.212.617.043	168.302.487.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.478.749.525	44.502.655.149
Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.657.589.695	219.420.965.153
Chi phí khác	72.846.098.020	67.636.721.303
<b>Cộng</b>	<b>2.017.438.614.601</b>	<b>1.475.763.209.175</b>

30/01/2016  
CH  
ACH  
EMT  
BIN

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

#### Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định và các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	-	1.092.761.277
Ứng tiền mua sắm tài sản cố định	40.133.491.124	34.302.056.629
Tặng vốn bằng cổ tức	-	309.990.300.000

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Các khoản cam kết

##### *Cam kết bảo lãnh*

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có cam kết bảo lãnh cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 để nhận các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với số tiền cam kết bảo lãnh trả nợ thay với số dư nợ vay là 63.000.000.000 VND.

Công ty còn cam kết bảo lãnh cho Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang để nhận các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc tối đa là 300 tỷ VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Công ty còn cam kết bảo lãnh cho Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang để nhận các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp với số dư nợ gốc tối đa là 100 tỷ VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

Công ty còn cam kết bảo lãnh cho Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 để nhận các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc tối đa là 242.530.000.000 VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

#### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 2a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành ( Tổng Giám đốc, các Giám đốc bộ phận, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

344  
ÔN  
NHIỆ  
DÀN  
A 8  
4-T.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có phát sinh giao dịch nào khác ngoài mua nguyên vật liệu của các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt với số tiền là 14.292.463.080 VND (cùng kỳ năm trước là 7.842.712.960 VND)

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 7.196.823.000 VND (cùng kỳ năm trước là 6.619.980.092 VND).

### 2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan khác</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2	Công ty con
Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4	Công ty con
Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con
Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức	Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn

*Giao dịch với các bên liên quan khác.*

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn có phát sinh giao dịch như sau:

**Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	547.672.925	3.576.503.082
Ủy thác xuất khẩu	-	4.214.115.585
Nhận ủy thác xuất khẩu	-	6.438.764.729

Ngoài ra, Công ty còn nhận bảo lãnh cho các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.1).

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### *Khu vực địa lý*

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xuất khẩu	2.137.726.062.115	1.562.827.865.573
Trong nước	670.953.899.701	505.027.821.610
<b>Cộng</b>	<b>2.808.679.961.816</b>	<b>2.067.855.687.183</b>

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

### 4. Số liệu so sánh

#### 4a. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

#### 4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng qui định kế toán mới

Việc áp dụng qui định kế toán mới và thay đổi chính sách kế toán không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### 5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

#### *Phải thu khách hàng*

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Các khoản cho vay*

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá</b>	<b>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.039.786.417	-	-	-	30.039.786.417
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	802.451.008.141	-	-	-	802.451.008.141
Phải thu khách hàng	992.956.540.403	-	1.111.876.082	2.145.708.126	996.214.124.611
Các khoản cho vay	266.422.420.052	-	-	-	266.422.420.052
Các khoản phải thu khác	72.551.929.801	-	-	-	72.551.929.801
<b>Cộng</b>	<b><u>2.164.421.684.814</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.111.876.082</u></b>	<b><u>2.145.708.126</u></b>	<b><u>2.167.679.269.022</u></b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.933.761.943	-	-	-	9.933.761.943
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	802.451.008.141	-	-	-	802.451.008.141
Phải thu khách hàng	986.492.688.632	-	1.020.445.380	2.145.708.126	989.658.842.138
Các khoản cho vay	367.705.639.017	-	-	-	367.705.639.017
Các khoản phải thu khác	42.764.644.325	-	-	-	42.764.644.325
<b>Cộng</b>	<b><u>2.209.347.742.058</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>1.020.445.380</u></b>	<b><u>2.145.708.126</u></b>	<b><u>2.212.513.895.564</u></b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

### 5b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng có thời hạn 01 năm.

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

### 5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

3944  
CÔNG  
NHỆ  
TOÁN  
A 8  
VH-TI

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ				Số đầu năm			
	USD	EUR	GBP	CNY	USD	EUR	GBP	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.027.151,10	413,82	-	3.436,00	229.294,01	422,66	-	3.436,00
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.217,11	-	-	-	7.217,11	-	-	-
Phải thu khách hàng	41.940.829,38	-	-	-	42.203.485,92	-	-	-
Các khoản phải thu khác	788.033,40	-	-	-	1.141.669,20	-	-	-
Vay và nợ	(70.003.897,97)	-	-	-	(82.717.320,14)	-	-	-
Phải trả người bán	(114.849,65)	-	-	-	(95.245,59)	-	-	-
Các khoản phải trả khác	(11.618.439,77)	-	84.048,26	-	(4.076.338,89)	-	84.048,26	-
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(37.973.956,40)</b>	<b>422,66</b>	<b>84.048,26</b>	<b>3.436,00</b>	<b>(43.307.238,38)</b>	<b>422,66</b>	<b>84.048,26</b>	<b>3.436,00</b>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này Công ty sẽ giảm/tăng 16.639.540.033 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 8.016.240.501 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản cho vay	264.250.000.000	-	365.659.791.129	-
Vay và nợ	(28.500.000.000)	(70.003.897,97)	-	(82.717.320,14)
<b>Nợ phải trả thuần</b>	<b>235.750.000.000</b>	<b>(70.003.897,97)</b>	<b>365.659.791.129</b>	<b>(82.717.320,14)</b>

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản cho vay VND đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có giá trị nhỏ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận trước thuế kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 15.288.851.317 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 9.146.448.673 VND).

### Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

9815-6  
CÔNG TY  
HỮU H  
VÀ TƯ V  
C  
HỒ CH

# CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 5d. Tài sản đảm bảo

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty thế chấp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu khách hàng với giá trị sổ sách lần lượt là 802.200.000.000 VND và 191.275.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.19) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 330 tỷ VND và 120 tỷ VND).

#### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính


	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.039.786.417	9.933.761.943	30.039.786.417	9.933.761.943
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	802.451.008.141	802.451.008.141	802.451.008.141	802.451.008.141
Phải thu khách hàng	996.214.124.611	989.658.842.138	994.068.416.485	988.156.846.450
Các khoản cho vay	266.422.420.052	367.705.639.017	266.422.420.052	367.705.639.017
Các khoản phải thu khác	72.551.929.801	42.764.644.325	72.551.929.801	42.764.644.325
<b>Cộng</b>	<b>2.167.679.269.022</b>	<b>2.212.513.895.564</b>	<b>2.165.533.560.896</b>	<b>2.211.011.899.876</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	1.557.395.924.387	1.767.545.055.412	1.557.395.924.387	1.767.545.055.412
Phải trả người bán	135.846.375.384	146.830.874.325	135.846.375.384	146.830.874.325
Các khoản phải trả khác	397.804.569.941	137.813.591.040	397.804.569.941	137.813.591.040
<b>Cộng</b>	<b>2.091.046.869.712</b>	<b>2.052.189.520.777</b>	<b>2.091.046.869.712</b>	<b>2.052.189.520.777</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Đồng Tháp, ngày 01 tháng 8 năm 2015

  
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Người lập biểu

  
Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Kim Đào  
Giám đốc tài chính

